TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 3 - 2024
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Hạnh

2. Bà Lê Hoàng Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 522/2023/TLST-HN&GĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HN&GĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà 109, đường số 4, thôn 6, xã S, huyện Đ, tỉnh B.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh Th, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số nhà 109, đường số 4, thôn 4, xã S, huyện Đ, tỉnh B.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Chị Trần Thị Th trình bày: Chị và anh Lê Minh Th tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S ngày 23/7/2004.Quá trình chung sống giữa chị và anh Lê Minh Th hạnh phúc được 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng bất đồng quan điểm, cả hai không thể dung hòa với nhau, không còn tiếng nói chung. Chị xác định không thể tiếp tục tiếp tục chung sống với anh Lê Minh Th được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Th. Về con chung, tài sản, nợ: Chị không yêu cầu giải quyết. về án phí: Chị đồng ý chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Theo biên bản xác minh ngày 09/01/2024, ông Lê C và bà Võ Thị H là cha mẹ ruột của anh Lê Minh Th trình bày: Anh Th và chị Th là vợ chồng, hiện nay anh Th đang cư trú tại xã S. Anh và chị Th thường mâu thuẫn vì chị Th ghen tuông vô cớ, hai người đã ly thân 02 tháng nay. Anh Th có nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh bận công việc và còn tình cảm với chị Th nên không đến Tòa án. Ông bà đồng ý nhận thay văn bản tố tụng của Tòa án và đồng ý giao lại cho anh Th.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: các đương sự không tranh chấp.

Tóa án đã tổ chức các phiên hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng bị đơn không đến tòa án nên không thể tiến hành hòa giải theo quy định.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng pháp luật.
- Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình
- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả công bố tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[4] Nội dung vụ án:

[a] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Lê Minh Th tự nguyện kết hôn với nhau, số đăng ký kết hôn 34, quyển số 01, ngày 23/7/2004 tại UBND xã S. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã không biết cách xây dựng hôn nhân ngày càng hạnh phúc, không biết lắng nghe, chia sẻ cùng nhau, mỗi người đều giữ cái tôi riêng nên đã làm cho tình cảm ngày càng rạn nứt. Nay chị yêu cầu ly hôn anh, nhưng anh Th không đến Tòa án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, cho thấy anh đã bỏ mặc cho chị Th muốn làm gì thì làm. Do đó, thấy rằng anh Lê Minh Th đã không còn quan tâm đến chị Trần Thị Th nữa, hôn nhân của anh chị mâu thuẫn thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị và các cháu. Vì vậy xét cần giải quyết cho chị ly hôn anh là phù hợp.

[b] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Th là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Th:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Th ly hôn anh Lê Minh Th.

- Về con chung, tài sản và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không cần xem xét trong bản án này.

2. Về án phí DSST:

Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017775, ngày 24 tháng 11 năm 2023. Chị Th đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đức Linh;*
- *CC THADS huyện Đức Linh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, QĐ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Phúc Thị Thu Hà